CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

------o0o------

HỢP ĐỒNG

TƯ VẤN PHÁT HÀNH QUYỀN MUA CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

***Số: \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/VCBS-TVTCDN***

**Căn cứ:**

* *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13**được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;*
* *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;*
* *Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11, ngày 29/06/2006; Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11, ngày 29/06/2006;*
* *Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*
* *Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*
* *Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;*
* *Theo nhu cầu và khả năng của hai bên.*

Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng này (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) được lập ngày ... tháng ... năm ..... giữa các bên có tên dưới đây:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN ..........

Trụ sở: {DIA\_CHI\_1\_KH}

Điện thoại: {SDT\_KH}    Fax:

Mã số thuế: {THUE}

Người đại diện: Ông/Bà {DD\_KH}  Chức vụ: {CHUCVU\_KH}

(Giấy ủy quyền số....ngày....)

*(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)*

Và

II. CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12&17, Tòa nhà VCB, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 39366426 Fax: 024. 39360262

Mã số thuế: 0101248046

Người đại diện: Ông Lê Mạnh Hùng Chức vụ: Giám đốc

*(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)*

*Xét rằng:*

* Bên A là một công ty cổ phần đã niêm yết/ ĐKGD chứng khoán tại ……., có nhu cầu và mong muốn chỉ định Bên B cung cấp cho Bên A dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật;
* Bên B là một Công ty chứng khoán được thành lập hợp pháp và hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán và tư vấn doanh nghiệp, có đầy đủ khả năng và sẵn sàng cung cấp dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng theo yêu cầu của Bên A và theo các quy định của pháp luật.

*Sau khi thoả thuận, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng (“Hợp đồng”) với các điều kiện và điều khoản như sau:*

Điều 1. Phạm vi Hợp đồng

Theo Hợp đồng này, Bên A đề nghị Bên B là tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng*;* theo đó, Bên B đồng ý thực hiện công việc nêu trên với các nội dung được quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.

Điều 2. Nội dung công việc do Bên B thực hiện

Phù hợp với phạm vi Hợp đồng nêu tại Điều 1, Bên B sẽ tiến hành các công việc sau đây:

1. ***Tư vấn xây dựng phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, Hỗ trợ bên A tổ chức Đại hội đồng cổ đông/ xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua phương án chào bán cổ phiếu***
2. ***Tư vấn xây dựng phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng***

* Thu thập thông tin Bên A nhằm chuẩn bị cho việc tư vấn xây dựng phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng;
* Xây dựng Dự thảo phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng phù hợp với yêu cầu và điều kiện của Bên A;
* Chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng theo ý kiến của Bên A;
* Các công việc trên được coi là đã hoàn thành sau thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Bên B bàn giao Dự thảo phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Bên A mà Bên A không có phản hồi sửa đổi, bổ sung bằng văn bản. Trường hợp Bên A có ý kiến sửa đổi, bổ sung Dự thảo phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng (trong thời hạn như nêu trên), Bên A được quyền sửa đổi, bổ sung Dự thảo phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng 01 (một) lần thông qua việc gửi ý kiến sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho Bên B. Trong trường hợp này, công việc nêu tại Khoản 2.1.1 này được coi là hoàn thành sau khi Bên B gửi sửa đổi, bổ sung Dự thảo phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng theo yêu cầu của Bên A (phù hợp với thông tin Bên A cung cấp và quy định của pháp luật).

1. ***Hỗ trợ bên A tổ chức Đại hội đồng cổ đông/ xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua phương án chào bán cổ phiếu***

* Hỗ trợ Bên A xây dựng bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông/ Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản nhằm thông qua Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng theo đúng quy định tại Điều lệ của Bên A và các quy định hiện hành.
* Hỗ trợ Bên A tổ chức Đại hội đồng cổ đông/ Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản nhằm thông qua Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng theo đúng quy định tại Điều lệ của Bên A và các quy định hiện hành.

1. ***Xây dựng hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, trình cơ quan có thẩm quyền và nhận các quyết định chấp thuận có liên quan:***

* Trên cơ sở Phương án chào bán cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông của Bên A thông qua, Bên B thực hiện xây dựng hồ sơ đăng ký chào bán cho Bên A để nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định*.*
* Phối hợp với Bên A theo dõi và thúc đẩy quá trình xét duyệt hồ sơ của UBCKNN theo lộ trình đã đề ra;
* Phối hợp với Bên A thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận được và gia hạn (nếu có) Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN;
* Hướng dẫn, cung cấp hồ sơ biểu mẫu cần thiết để bên A thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

1. ***Tư vấn hỗ trợ và thực hiện việc triển khai chào bán cổ phiếu ra công chúng bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:***

* Cung cấp các hồ sơ biểu mẫu liên quan cho Bên A phân phối cổ phiếu đối với phần chào bán cho cổ đông hiện hữu*;*
* Phối hợp với Bên A tổng hợp kết quả phát hành và báo cáo UBCKNN (theo quy định);
* Phối hợp với Bên A lập Hồ sơ đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết/ ĐKGD bổ sung đối với số lượng cổ phần phát hành thêm;
* Nhận giấy phép lưu ký bổ sung, niêm yết/ ĐKGD bổ sung và chính thức giao dịch số lượng cổ phần phát hành thêm.

Các bước triển khai công việc và lộ trình thực hiện cụ thể sẽ được các bên thống nhất tại Phụ lục số 01 của Hợp đồng này.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

* 1. Yêu cầu Bên B xác nhận tiến độ thực hiện công việc theo từng bước nêu tại Điều 2 của Hợp đồng.
  2. Nghiệm thu kết quả, khối lượng công việc đã hoàn thành của Bên B theo từng bước nêu tại Điều 2 và Phụ lục số 01 của Hợp đồng.
  3. Cung cấp cho Bên B đầy đủ, chính xác, đúng hạn các thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng theo danh sách nêu chi tiết tại Phụ lục số 02 của Hợp đồng trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực; bảo đảm về tính xác thực và chịu trách nhiệm về các thông tin, tài liệu, hồ sơ cung cấp cho Bên B.
  4. Cử người đại diện (làm đầu mối) để hỗ trợ, phối hợp cùng Bên B giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện các công việc nêu tại Hợp đồng này.
  5. Đảm bảo và cam kết rằng đã tuân thủ các quy định hiện hành đối với mọi hoạt động của mình liên quan đến nội dung của Hợp đồng và đã có được các phê duyệt/chấp thuận nội bộ cần thiết để triển khai Hợp đồng này
  6. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên A không được ký kết bất kỳ hợp đồng nào có nội dung và mục đích giống hoặc tương tự Hợp đồng với một tổ chức tư vấn khác;
  7. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn phí dịch vụ cho Bên B theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng.
  8. Có quyền tạm dừng và/hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng này khi xảy ra một trong các trường hợp sau: *(i)* Bên B vi phạm và không thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng; *(ii)* Theo yêu cầu/quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc xảy ra sự cố bất khả kháng. Khi Hợp đồng bị tạm dừng và/hoặc chấm dứt trong các trường hợp quy định tại điểm *(i)* và *(ii)* nói trên, các chi phí sẽ thanh, quyết toán theo khối lượng công việc đã thực hiện.
  9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

* 1. Yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn hồ sơ, tài liệu, thông tin cần thiết theo danh sách tài liệu nêu tại Phụ lục số 02 để phục vụ cho công việc của Bên B theo Hợp đồng này. Bên B không chịu trách nhiệm về những thiệt hại và các sai sót trong quá trình thực hiện các công việc của Hợp đồng do Bên A cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ và/hoặc thông tin, tài liệu bị che dấu, bị đánh tráo, bị làm giả của Bên A hoặc bên thứ ba gây ra.
  2. Được hưởng phí dịch vụ quy định tại Điều 5 Hợp đồng này.
  3. Cam kết sẽ tuyệt đối giữ bí mật và không tiết lộ bất cứ tài liệu, thông tin mà Bên A cung cấp theo Hợp đồng này cho bên thứ ba trừ trường hợp: *(i)* được sự đồng ý của Bên A hoặc *(ii)* theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc nhằm mục đích phục vụ cho các công việc nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc *(iii)* nằm ngoài khả năng kiểm soát của Bên B.
  4. Hoàn thành khối lượng công việc theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.
  5. Cam kết không chuyển giao một phần quyền hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba, ngoại trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.
  6. Không chịu trách nhiệm về việc chậm trễ thực hiện công việc nêu tại Điều 2 của Hợp đồng do việc Bên A chậm cung cấp các thông tin, tài liệu hoặc các điều kiện cần thiết phục vụ cho việc thực hiện các công việc của Bên B.
  7. Có quyền tạm dừng và/hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng này khi xảy ra một trong các trường hợp sau: *(i)* Bên A không thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng; *(ii)* Theo yêu cầu/quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc xảy ra sự cố bất khả kháng. Khi Hợp đồng bị tạm dừng và/hoặc chấm dứt trong các trường hợp quy định tại điểm *(i)* và *(ii)* nói trên, các chi phí sẽ thanh, quyết toán theo khối lượng công việc đã thực hiện.
  8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

* 1. Phí dịch vụ:

Phí dịch vụ được Hai Bên thỏa thuận xác định theo nội dung tư vấn như đã quy định tại Điều 2 Hợp đồng này, được xác định là ……… *(Bằng chữ:………)* đồng.

* 1. Các khoản phí dịch vụ trên đây chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, các khoản phí, lệ phí chính thức phải nộp cho UBCKNN và các cơ quan nhà nước khác (nếu có). Đồng thời, phí dịch vụ trên không bao gồm:
* Chi phí đăng báo về thông tin của đợt chào bán;
* Các chi phí đăng báo quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng phát sinh thêm đối với tất cả các nội dung có liên quan;
* Các chi phí khác không phải do bên B cung cấp nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.
  1. Tiến độ thanh toán:
* Lần thanh toán thứ nhất: Bên A thanh toán cho Bên B ........ VNĐ (........đồng) và khoản thuế giá trị gia tăng tương ứng trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản phí này sẽ không được Bên B hoàn trả lại cho Bên A trong mọi trường hợp.
* Lần thanh toán thứ hai: Bên A thanh toán cho Bên B ..... VNĐ (....... đồng) và khoản thuế giá trị gia tăng tương ứng trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu cho Bên A.
* Lần thanh toán thứ ba: Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ phí dịch vụ còn lại và thuế giá trị gia tăng tương ứng trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp Quyết định về việc chấp thuận niêm yết/ ĐKGD bổ sung cổ phiếu cho Bên A .
  1. Các hóa đơn của Bên B sẽ được phát hành cho Bên A chỉ định trên cơ sở tiến độ thanh toán quy định tại Khoản 5.3 nêu trên. Biên bản nghiệm thu/thanh lý và hóa đơn sẽ mô tả cụ thể các công việc mà Bên B đã thực hiện.
  2. Những chi phí khác phát sinh ngoài quy định tại điều 5.1 nêu trên, hai Bên sẽ thoả thuận bằng văn bản.
  3. Phí dịch vụ và các chi phí khác phát sinh sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B với thông tin như sau:
* Đơn vị thụ hưởng: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam
* Tài khoản số: 0681000007952
* Tại: Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội Sở Chính

Điều 6. Sửa đổi và chấm dứt Hợp đồng

* 1. Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung theo thoả thuận bằng văn bản giữa các bên và được người đại diện có thẩm quyền ký. Những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các điều khoản tương ứng trong Hợp đồng và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
  2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Các bên hoàn thành các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng này;
2. Các bên thoả thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp này, các bên sẽ thoả thuận về các điều kiện và nội dung cụ thể. Mọi nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng này được xem là hoàn thành và chấm dứt, và Bên A từ bỏ tất cả các quyền khiếu nại Bên B vì bất kỳ lý do gì kể từ thời điểm Biên bản Thanh lý Hợp đồng được ký kết;
3. Một trong các bên bị giải thể hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
4. Theo quy định tại Điều 3.8 của Hợp đồng;
5. Theo quy định tại Điều 4.7 của Hợp đồng.

Điều 7. Bất khả kháng

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia. Cả hai Bên sẽ không chịu trách nhiệm vì không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện các công việc theo Hợp đồng này vì lý do bất khả kháng và thống nhất quyết toán theo thực tế đã thực hiện đến thời điểm xảy ra bất khả kháng.

Điều 8. Giải quyết tranh chấp

* 1. Tất cả nội dung và các điều khoản của Hợp đồng này được điều chỉnh bởi Luật pháp của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
  2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh bất kỳ khó khăn, trở ngại nào, hai Bên thống nhất sẽ thông báo cho nhau, cùng bàn bạc, tìm biện pháp giải quyết, khắc phục giảm thiểu rủi ro tới mức tối đa và có biên bản về vấn đề này.
  3. Mọi tranh chấp phát sinh, nếu có, liên quan đến Hợp đồng này sẽ đ­ược hai Bên giải quyết bằng thương lư­ợng, hoà giải. Trư­ờng hợp các Bên không giải quyết đư­ợc bằng hoà giải, một trong các bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án Nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Điều 9. Hiệu lực Hợp đồng

* 1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi ký.
  2. Các Phụ lục, tài liệu đính kèm Hợp Đồng được coi là một phần không tách rời của Hợp Đồng.
  3. Nếu bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này được xác định là không có hiệu lực và không khả thi, những điều khoản còn lại vẫn sẽ có hiệu lực và ràng buộc các Bên trong phạm vi pháp luật cho phép.
  4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B |

Phụ lục số 01

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ KIẾN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Nội dung công việc thực hiện | Thời gian dự kiến |
| 1 | DN và VCBS ký kết hợp đồng tư vấn | D |
| 2 | Đại hội đồng cổ đông DN thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ | D + 15 |
| 3 | Chuẩn bị hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định | D– D+15 |
| 4 | Nộp bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng lên UBCK NN và giải trình hồ sơ đăng ký chào bán theo yêu cầu của UBCKNN | D+16 – D+46 |
| 5 | Nhận giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN | D+47 |
| 6 | Đăng báo CBTT *(03 số báo liên tiếp)* về việc nhận giấy chứng nhận đăng ký chào bán và thông báo chốt danh sách cổ đông để phát hành quyền muacổ phần cho cổ đông hiện hữu | D+47 đến D+54 |
| 7 | Ngày gửi công văn đăng ký chốt danh sách với TTLKCK VN; | D+48 |
| 8 | Ngày chốt danh sách cổ đông *(07 ngày làm việc kể từ ngày nộp thông báo chốt)* | D+55 |
| 9 | Ngày TTLKCK VN gửi danh sách phân bổ quyền mua thêm cổ phiếu mới *(03 ngày làm việc kể từ ngày chốt danh sách)* | D+57 |
| 10 | Thời gian đăng ký mua và nộp tiền của cổ đông hiện hữu tối thiểu *(20 ngày);* | D+67 – D+87 |
| 11 | - TTLKCK VN gửi Danh sách đăng ký mua và nộp tiền của cổ đông. Đồng thời VSD chuyển tiền mua cổ phiếu của các cổ đông cho DN vào tài khoản phong tỏa;  - DN và VCBS tổng hợp kết quả đăng ký mua, nộp tiền của cổ đông và xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh *(nếu có);* | D+87 – D+94 |
| 12 | Báo cáo kết quả phát hành với UBCK NN | D+95 |
| 13 | DN thực hiện thuê đơn vị kiểm toán vốn của đợt chào bán | D+95 – D+105 |
| 14 | Nộp hồ sơ niêm yết và đăng ký lưu ký bổ sung chứng khoán | D+106 |
| 15 | Nhận chấp thuận lưu ký bổ sung | D+116 |
| 16 | Ngày nhận chấp thuận niêm yết/ ĐKGD bổ sung | D+126 |

*Lưu ý: D được tính theo ngày làm việc và thời gian dự kiến trong lộ trình chỉ mang tính tham khảo, thời gian thực tế sẽ phụ thuộc vào (i) Tiến độ cung cấp hồ sơ của DN và (ii) Thời gian xét duyệt hồ sơ của các cơ quan có thẩm quyền.*

* **Phụ lục số 02**

DANH SÁCH THÔNG TIN, TÀI LIỆU CẦN CUNG CẤP

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Thông tin/tài liệu | Ghi chú |
| I. | Các tài liệu pháp lý   * Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh * Điều lệ Công ty; * Báo cáo tài chính kiểm toán 02 năm liền trước; * Báo cáo tài chính tính đến Quý gần nhất; * Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn | Bản chính hoặc bản sao hợp lệ của DN |
| II. | Thông tin về những người quản lý, bao gồm: thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban giám đốc và Kế toán trưởng.  Cụ thể:   * Danh sách *(Tên, tuổi, số CMND):* * Sơ yếu lý lịch, bao gồm các nội dung sau: * Chức vụ hiện tại, chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác, các công tác đã trải qua, bằng cấp; * Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch; * Các khoản nợ đối với công ty (nếu có); * Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có); * Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch (nếu có). | Bản mềm thông tin của DN |
| III. | Tình hình và đặc điểm của DN |  |
| 1. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | Bản mềm |
| 2. | Cơ cấu tổ chức công ty *(thể hiện bằng sơ đồ và kèm theo diễn giải).*  Danh sách các công ty con, công ty liên kết và/hoặc công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối | Bản mềm |
| 3. | Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty  *(thể hiện bằng sơ đồ và kèm theo diễn giải)* | Bản mềm thông tin của DN |
| 4. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty (tên, địa chỉ, số CMND, số ĐKKD (nếu có));  Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ *(nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực);*  Cơ cấu cổ đông *(tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ) tại thời điểm gần nhất* | Bản mềm thông tin của DN |
| 5. | Hoạt động kinh doanh:  *Sản phẩm dịch vụ chính:*  *Kế hoạch phát triển kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức* | Bản mềm thông tin của DN |
| 6. | Chính sách đối với người lao động  Số lượng người lao động trong công ty  Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp… | Bản mềm thông tin của DN |
| 7. | Chính sách cổ tức | Bản mềm thông tin của DN |
| 8. | Tài sản và đất đai  (tài sản và đất đai thuộc sở hữu của công ty) | Bản cứng và bản mềm thông tin của DN |
| 9. | Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm [……] bao gồm: Doanh thu, lợi nhuận sau thuế, vốn chủ sở hữu, cổ tức.   * Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên. * Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua. | Bản cứng và bản mềm thông tin của DN |
| 10. | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch (nếu có)  (Thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất…) | Bản cứng và bản mềm thông tin của DN |
| 11. | Hoạt động, chiến lược Marketing; Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền; Cập nhật các Hợp đồng lớn đã và đang thực hiện tới nay | Bản cứng và bản mềm thông tin của DN |
| 12. | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có) | Bản cứng và bản mềm thông tin của DN |